

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----*****-----

Bản án số: 43/2019/HSST
Ngày: 14/05/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thẩm phán.
- Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và bà Đỗ Thị Huyền
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huệ – Kiểm sát viên.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Thư ký Tòa án.

Hôm nay, ngày 14/5/2019, tại Trụ sở TAND huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2019/HSST, ngày 05 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo: **Vũ A.**

Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã S, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: lớp 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Vũ Văn C, sinh năm 1963; Con bà: Ngô Thị L, sinh năm 1963; Anh, chị em ruột: Có 2 người, bị cáo thứ 2; Vợ, con: chưa có. Tiền sự: chưa có.

- Tiền án: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử 12 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Bị cáo chưa thi hành phần bồi thường dân sự trong bản án nêu trên.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Những người bị hại:***

1/ Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1982;

2/ Anh Lê Đình G, sinh năm 1979;

Đều trú tại: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Ngô Thị L, sinh năm 1963

Trú tại: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Những người làm chứng:***

1/ Anh Bùi Minh Q, sinh năm 1998;
Trú tại: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).
2/ Bà Lâm Thị M, sinh năm 1969;
Trú tại: Xóm Z, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).
3/ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1991;
Trú tại: thôn TĐ, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 21/5/2018 Vũ A cùng Bùi Minh Q đi bộ qua nhà ông Nguyễn Hữu O ở thôn TĐ, xã T, huyện K thì phát hiện có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển số 89E1-135.36 của chị Nguyễn Thị Hải Y dựng ở sân, xe chưa rút chìa khóa. Quan sát thấy cổng nhà ông O mở, xung quanh không có người nên A và Q nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. A bảo Q đứng ngoài cổng chờ, còn A đi bộ vào bên trong khoảng 2 đến 3 phút rồi điều khiển chiếc xe mô tô biển số 89E1-135.36 qua chỗ Q đang chờ. Thấy vậy, Q nhảy lên ngồi phía sau xe, còn A điều khiển xe đi đến đường đê thuộc địa phận xã BM, huyện K thì dừng xe mở cốp kiểm tra và phát hiện bên trong cốp có 06 chiếc nhẫn màu vàng. Sau đó A tiếp tục chở Q đi đến 01 cửa hàng buôn bán vàng bạc không rõ tên thuộc địa phận huyện V, tỉnh Hưng Yên. Q đứng ở ngoài đợi A đi vào trong cửa hàng để bán nhẫn. Sau khi bán nhẫn được 15.000.000 đồng, A chia cho Q 7.500.000 đồng để Q đi vào miền Nam, còn A điều khiển xe mô tô biển số 89E1-135.36 đến gửi tại bãi gửi xe bệnh E, thành phố Hà Nội rồi bỏ đi lang thang và tiêu xài hết số tiền còn lại. Sau đó, A nhờ mẹ đẻ là bà Ngô Thị L đến lấy chiếc xe mô tô trên trả cho gia đình chị Y.

Sau khi sự việc xảy ra gia đình chị Y đã có đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu. Cơ quan điều tra đã Q hành khám nghiệm hiện trường thu giữ 01 đoạn video trích xuất từ điện thoại của ông Nguyễn Hữu O ghi lại hình ảnh A và Q thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô để gửi đi giám định, đồng thời ra quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Khoái Châu xác định giá trị của 06 chỉ vàng và chiếc xe mô tô biển số 89E1-135.36. Tại Bản kết luận định giá số 32/KL-ĐG ngày 29/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Khoái Châu, kết luận: Tại thời điểm ngày 21/5/2018 xe mô tô biển số 89E1-135.36 trị giá 17.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 9999 trị giá là 21.660.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định vào ngày 16/5/2018, Vũ A đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn quận HM, Thành phố Hà Nội. Ngày 18/10/2018, A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H khởi tố về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 03/12/2018 A bị Công an quận H bắt theo quyết định

truy nã số 18 ngày 13/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K. Tại Cơ quan điều tra A đã khai nhận diễn biến sự việc như trên.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Bùi Minh Q đã nhờ bố đẻ là ông Bùi Đình U bồi thường chị Y 03 chỉ vàng; Mẹ đẻ của A là bà Ngô Thị L đã trả lại xe mô tô biển số 89E1 – 135.36 và bồi thường cho chị Y 11.000.000 đồng tương ứng với giá trị của 03 chỉ vàng. Chị Y đã nhận tài sản và có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Q và A.

Tại bản cáo trạng số: 44 /QĐ-VKS - HS ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Vũ A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015).

Tại phiên tòa hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo A và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 của BLHS năm 2015;

Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ A từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 06 tháng tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án này; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

[2] Bị cáo A nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải. Được nói lời sau cùng, bị cáo A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo, bố bị cáo bỏ mẹ bị cáo từ khi bị cáo còn nhỏ. Một mình mẹ bị cáo nuôi hai anh em bị cáo rất vất vả và đề nghị xử bị cáo ở mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

[3] Người liên quan bà Ngô Thị L trình bày: Việc bà thay bị cáo Vũ A tự nguyện bồi thường cho chị Y 11.000.000đ và mang chiếc xe máy 89E1 – 135.36 trả lại cho chị Y là do A nhờ bà, riêng số tiền 11.000.000đ bà không yêu cầu A trả lại cho bà.

[5] Những người bị hại là chị Nguyễn Thị Hải Y; anh Lê Đình G và một số người làm chứng trong vụ án như anh Bùi Minh Q, bà Lâm Thị M, anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận vào khoảng 08 giờ ngày 21/5/2018, Vũ A đã cùng với Bùi Minh Q có hành vi trộm cắp xe máy của chị Nguyễn Thị Hải Y. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; kết luận định giá; các biên bản về việc nhận diện qua Camera; kết luận giám định; lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra; Lời khai của những người bị hại chị Nguyễn Thị Y và anh Lê Đình G; lời khai của người làm chứng anh Bùi Minh Q, bà Lâm Thị M, anh Nguyễn Văn P và tất cả các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 21/5/2018 tại thôn TĐ, xã T, huyện K, Vũ A đã cùng với Bùi Minh Q đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 89E1-135.36 và 06 chỉ vàng, được xác định có tổng giá trị là 38.660.000 đồng của chị Nguyễn Thị Hải Y sinh năm 1982 ở thôn X, xã T, huyện K.

Bị cáo A là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã cùng với Q có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động lại muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Giá trị tài sản mà bị cáo đã thực hiện trộm cắp cùng với Q có tổng giá trị 38.660.000đ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trong cáo trạng số 44/CT-VKS-KC, ngày 03/4/2019 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội nói chung và gây mất trật tự trị an tại địa phương nói riêng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng lúc người bị hại có sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước. Hành vi của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

[4] Xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, trong đó Vũ A là người khởi sự, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Y, nên A giữ vai trò thứ nhất. Bùi Minh Q nhanh chóng tiếp nhận ý chí của A, Trong lúc A dắt xe máy của chị Y thì Q đứng ngoài canh gác, số tài sản đã tiêu thụ là vàng thì A và Q được hưởng ngang nhau, còn chiếc xe máy BKS 89E1 – 135.36 thì A đã nhờ người mang trả cho người bị hại. Do vậy, Q giữ vai trò giúp sức tích cực sau A.

Đối với Bùi Minh Q đã được đưa ra xét xử tại bản án số 02/2019/HSST, ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, theo đó Bùi Minh Q bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu tuyên xử 01 năm 06 tháng tù. Còn bị cáo Vũ A bỏ trốn bị Công an quận Hoàng Mai bắt theo lệnh truy nã số 18, ngày 13/10/2018 của cơ quan cảnh sát Công an huyện Khoái châu và bị đưa ra xét xử ngày hôm nay.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 114/2014/HSST, ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử bị cáo Vũ A 12 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Cho đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo chưa thi hành phần bồi thường dân sự trong bản án nêu trên. Vậy nên, đối chiếu theo quy định tại Điều 70 của BLHS năm 2015, Giải đáp thắc mắc của Tòa án Nhân dân Tối cao số 64/TANDTC-PC, ngày 03/4/2019 thì lần phạm tội này bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động đến mẹ đẻ của mình để bà L Thay bị cáo bồi thường trả cho bị hại số tiền 11.000.000đ và mang chiếc xe mô tô biển số 89E1-135.36 trả lại cho bị hại; ngoài ra, bị cáo còn được người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Về nhân thân: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Vũ A là người có nhân thân xấu, lười lao động, thích ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác, đã từng được giáo dục pháp luật bởi hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, nhưng bị cáo không chấp hành đầy đủ bản án của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương và cũng không lấy đó làm bài học để nghiêm khắc sửa đổi bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản hết lần này đến lần khác với lỗi cố ý, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó

cải tạo. Nên lần phạm tội này cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Quá trình điều tra xác định vào ngày 16/5/2018, Vũ A đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn quận H, Thành phố Hà Nội. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 63/2019/HSST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đã xử phạt bị cáo Vũ A 22 (hai mươi hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2018, tuy nhiên đến nay bản án này chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không phải tổng hợp hình phạt của hai bản án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu thì thấy rằng: Đề nghị của đại diện VKSND huyện Khoái Châu về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo lười lao động, sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị Y, anh G đã nhận lại xe máy và giá trị 06 chỉ vàng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Vũ A phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Tuyên bố: Bị cáo Vũ A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Vũ A 02 (Hai) năm tù tính từ ngày bị cáo thi hành bản án này.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/5/2019). Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh HY;
- TAND tỉnh HY;
- Trại tạm giam số 2;
- VKSND huyện K/C;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện K/C;
- CQTHAHS Công an huyện K/C;
- Chi cục THADS huyện K/C;
- UBND xã D huyện K,
- UBND xã S huyện V;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương